TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 161/2025/DSST.
Ngày: 30/12/2025.
V/v: "Tranh chấp HĐ vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Mến.
Bà La Thị Thu Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 271/2025/TLST – DS ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2025/QĐXXST-DS ngày: 26/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2025/QĐST-DS ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CTHY, sinh năm: 1996 - (Có mặt).
Địa chỉ: tổ 5, ấp NT, xã XM, thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: NTHL, sinh năm: 1985 - (Có mặt).
Địa chỉ: tổ 5, ấp NH, xã XM, thành phố Hồ Chí Minh.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
MAT, sinh năm: 1984 – (Vắng mặt).
Địa chỉ: tổ 5, ấp NH, xã XM, thành phố Hồ Chí Minh.
Người làm chứng:
DTLS, sinh năm: 1975 – (Có mặt).
Địa chỉ: tổ 5, ấp NT, xã XM, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa. N*guyên đơn chị CTHY trình bày:* Vào tháng 01/2025 chị L có vay của chị Y 200.000.000Đ (Hai trăm triệu), thời hạn vay đến cuối tháng

02/2025 sẽ trả, không tính lãi suất, không thế chấp tài sản. Chị Y đã giao đủ tiền cho chị L. Sau khi vay đến hạn chị L không trả cho chị Y dù chị Y đã đi đòi nhiều lần. Khi cho vay là cho một mình chị L vay chứ không phải là cho vợ chồng chị L vay.

Tại Toà án, chị Y trình bày thêm: Khi chị Y cùng mẹ chị Y đến hỏi nợ thì chị L có nói là xin trả dần 217.000.000Đ (Hai trăm mười bảy triệu), sau khi bán tràm sẽ trả thêm cho chị Y vài chục nữa,. số còn lại sẽ trả dần hàng tháng, mỗi tháng từ 3.000.000Đ (Ba triệu) đến 5.000.000Đ (Năm triệu) nên chị Y đồng ý cho trả dần. Tuy nhiên, sau đó thì chị Y hỏi chị L về việc bán tràm thì chị L nói không bán tràm nữa nên chị Y mới khởi kiện chị L. Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu chị L trả cho chị Y 200.000.000Đ (Hai trăm triệu) vay vào cuối tháng 01/2025, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo bản khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa. Bị đơn chị NTHL trình bày: Tháng 01/2025 chị L có vay của chị Y 17.000.000Đ (Mười bảy triệu), với lãi suất từ 200.000Đ – 300.000Đ/ngày. Đã trả được 01 tháng tiền lãi, khi trả không làm giấy tờ, không ai chứng kiến.

Đến cuối tháng 01/2015 chị L vay thêm của chị Y 200.000.000Đ (Hai trăm triệu). Như vậy, tổng số chị L vay của chị Y là 217.000.000Đ (Hai trăm mười bảy triệu). Thời hạn vay là đến cuối tháng 02/2025 sẽ trả.

Sau khi vay đến hạn do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị L không có trả cho chị Y. Tuy nhiên, từ tháng 02/2025 đến tháng 06/2025 thì hàng tháng chị L có phụ cho chị Y 1.800.000Đ(Một triệu tám trăm ngàn)/tháng để đóng tiền lãi Ngân hàng. Tháng 07/2025 chị Y cùng mẹ chị Y có đến đòi nợ do không có trả nên chị L xin trả dần hàng tháng. Chị Y và mẹ chị Y có đồng ý cho chị L trả góp mỗi tháng từ 3.000.000Đ (Ba triệu) đến 5.000.000Đ (Năm triệu). Sau khi thỏa thuận xong thì từ tháng 08/2025 đến tháng 10/2025 chị L đã trả góp cho chị Y được 9.000.000Đ (Chín triệu).

Số tiền 1.800.000Đ (Một triệu tám trăm ngàn)/tháng là tiền chị L phụ cho chị Y để đóng tiền lãi Ngân hàng, chứ không phải là tiền chị L trả lãi cho chị Y. Tiền này là tài sản chung của vợ chồng chị L, anh T. Chị L không yêu cầu chị Y trả lại số tiền này.

Tại Toà án chị L không đồng ý với yêu cầu trả số tiền 200.000.000Đ (Hai trăm triệu) một lần theo yêu cầu của chị Y, mà yêu cầu được trả góp hàng tháng theo như đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay chị L trình bày thêm Khi chị Y và mẹ chị Y đến nhà hỏi nợ, chị L xin trả dần hàng tháng sau khi chị Y đồng ý cho trả dần hàng tháng, thì chị L mới nói là nếu bán được tràm sẽ trả thêm cho chị Y. Chị L vẫn giữ nguyên ý kiến: Không đồng ý với yêu cầu trả số tiền 200.000.000Đ (Hai trăm triệu) một lần theo yêu cầu của chị Y, mà yêu cầu được trả góp hàng tháng theo như đã thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh MAT đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị CTHY khởi kiện yêu cầu chị NTHL trả tiền vay cho chị Y. Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh thông báo không tham gia phiên tòa (Công văn số 41/CV-VKS ngày 27/11/2025); anh MAT đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Điều 21, Điểm b, Khoản 1, Điều 227, Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát, anh MAT.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình. Hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[2.1] Cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có việc bị đơn vay 217.000.000Đ (Hai trăm mười bảy triệu) của nguyên đơn 02 lần, lần 1 đầu tháng 01/2025, lần 2 cuối tháng 01/2025 (Bút lục số 25,27,29). Giữa các bên không tranh chấp số tiền vay mà chỉ tranh chấp về phương thức trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.000Đ (Hai trăm triệu) vay lần 2 một lần, bị đơn cho rằng nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn trả dần hàng tháng đối với cả 02 lần vay, mỗi tháng từ 3.000.000Đ (Ba triệu) đến 5.000.000Đ (Năm triệu) nên không đồng ý yêu cầu trả một lần của nguyên đơn.

[2.2] Xét lời trình bày của các bên HĐXX thấy:

[2.3] Chị L trình bày: Chị Y đã đồng ý cho chị L trả dần hàng tháng số tiền 217.000.000Đ (Hai trăm mười bảy triệu), mỗi tháng trả từ 3.000,000Đ (Ba triệu) đến 5.000.000Đ (Năm triệu), điều này cũng được bà S xác nhận (Bút lục số 34) và cũng được chị Y khẳng định tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, việc đồng ý cho trả dần hàng tháng toàn bộ số tiền 217.000.000Đ (Hai trăm mười bảy triệu) có điều kiện kèm theo là sau khi bán tràm chị L sẽ trả thêm tiền cho chị Y. Mặc dù chị L trình bày sau khi chị Y đồng ý cho trả dần hàng tháng chị L mới hứa nếu bán được tràm sẽ xin chồng hỗ trợ để trả cho chị Y. Tuy nhiên, với số tiền vay lớn, chị L đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Cho vay không tính lãi nếu chị L không hứa sau khi bán tràm sẽ trả thêm cho chị Y thì chắc chắn chị Y không đồng ý cho chị L trả dần hàng tháng. Điều này cũng được thể hiện tại tin nhắn qua điện thoại mà chính chị L đã in ra để nộp cho Tòa án (Bút lục số 02). Do đó, có cơ sở để HĐXX kết luận: Việc chị Y đồng ý cho chị L trả dần mỗi tháng từ 3.000.000Đ (Ba triệu) đến 5.000.000Đ (Năm triệu) đối với toàn bộ số tiền vay cả 02 đợt có kèm theo điều kiện là sau khi bán tràm chị L sẽ trả thêm cho chị Y một khoản tiền từ việc bán tràm.Tuy nhiên, chị L đã không

thực hiện việc trả thêm cho chị Y như đã hứa là chị L đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên. Do đó, việc chị Y khởi kiện yêu cầu chị L trả cho chị Y 200.000.000Đ (Hai trăm triệu) của lần vay thứ 2, vào cuối tháng 01/2025 là có căn cứ nên chấp nhận. Vì vậy, buộc chị L trả cho chị Y 200.000.000Đ (Hai trăm triệu).

Còn số tiền 17.000.000Đ (Mười bảy triệu) của lần vay thứ 1, vào đầu tháng 01/2025 chị Y không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

[2.4] Về lãi suất: Do chị Y không yêu cầu tính lãi, nên HĐXX không xem xét về tiền lãi.

[2.5] Đối Số tiền 1.800.000Đ (Một triệu tám trăm ngàn)/tháng mà chị L đưa cho chị Y để đóng tiền lãi Ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng chị L, anh T. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu chị Y trả lại, anh T không có mặt nên không thể hiện được ý chí, nguyện vọng của anh T đối với số tiền này. Do đó, HĐXX không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Xét hoàn cảnh kinh tế chị L khó khăn (Có xác nhận của chính quyền địa phương) nên miễn án phí dân sự có giá ngạch cho chị L, buộc chị L nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí DSST.

[4]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 21; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị CTHY đối với chị NTHL.

- Buộc chị NTHL trả cho chị CTHY 200.000.000Đ (Hai trăm triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất được được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[2] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí DSST, miễn án phí dân sự có giá ngạch cho chị L. Hoàn trả cho chị CTHY 5.000.000Đ (Năm triệu) tiền tạm ứng mà chị Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023332 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- *TAND TP Hồ Chí Minh.*
- *VKSND khu vực 14.*
- *Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*

Hoàng Ngọc Tuấn